

Số: 20/2025/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hải Nam.

Thư ký phiên họp: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-LĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-VDS ngày 13 tháng 01 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; HKTT: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; HKTT: Số C Đường C, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2.2. Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G); Địa chỉ: Lô C đường số B, Khu công nghiệp T, phường T thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Duy H – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Vắng mặt.

2.3. Bảo hiểm xã hội thành phố D; Địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; HKTT: A, khu phố T, Phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2025. (Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* *Tại Đơn yêu cầu ghi ngày 19/12/2024 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980 là chị gái của bà D. Vào khoảng tháng 06/2006, do bà L bị mất giấy chứng minh nhân dân, không đủ hồ sơ ứng tuyển lao động nên bà D có cho bà L mượn hồ sơ lao động (gồm có chứng minh nhân dân của bà D) để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C); Địa chỉ: Lô C đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C) đã đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị L với tên của bà Nguyễn Thị D từ 06/2006 đến tháng 11/2006 với mã số 9106092252.

Thực tế, bà D không làm việc tại Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C) mà bà D làm việc tại Công ty C1 (nay là Công ty TNHH G1); Địa chỉ: Số A đường Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương từ khoảng 11/2004 đến tháng 7/2006; Công ty C1 (nay là Công ty TNHH G2) có đóng cho bà D Bảo hiểm xã hội mã số: 6605046144.

Nay bà Nguyễn Thị D tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà D bị trùng. Bà D đã liên hệ với cơ quan Bảo hiểm xã hội nhờ hướng dẫn thì cán bộ hướng dẫn bà D đến Tòa án để yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L với tên của bà Nguyễn Thị D và Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C) theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1.

Do bà D và bà Nguyễn Thị L không hiểu biết về pháp luật nên mới cho mượn giấy tờ để ký hợp đồng lao động như trên.

Do đó, bà D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D và Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C) là vô hiệu với lý do: Chị gái của bà D là bà Nguyễn Thị L đã sử dụng thông tin của bà D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C). Bà D chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc bà Nguyễn Thị L mượn hồ sơ lao động của bà D để làm việc tại Công ty Cổ phần C là lỗi của bà D, bà L và không liên quan đến Công ty. Do đó, bà D tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, bà D xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác trong việc này và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc lao động sơ thẩm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986 là em gái của bà L. Vào khoảng tháng 06/2006 do bà L bị mất giấy chứng minh nhân dân, không đủ hồ sơ ứng tuyển lao động nên bà L có mượn hồ sơ lao động gồm có chứng minh nhân dân của bà D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C); Địa chỉ: Lô C đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C) đã đóng bảo hiểm cho bà L với tên của bà Nguyễn Thị D từ 06/2006 đến tháng 11/2006 với mã số 9106092252.

Thực tế, bà D không làm việc tại Công ty Cổ phần C mà làm việc tại Công ty C1 (nay là Công ty TNHH G1).

Đến thời điểm hiện tại do đã lâu nên hợp đồng lao động và các giấy tờ liên quan khi bà L sử dụng thông tin của bà Nguyễn Thị D ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C) đã thất lạc hết các không thể cung cấp cho Tòa án. Tại thời điểm lấy thông tin của bà Nguyễn Thị D để giao kết hợp đồng, bản thân bà L, bà D không hiểu biết pháp luật nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị D.

Do đó, đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị D và Công ty Cổ phần G (nay là Công ty Cổ phần C) là vô hiệu thì bà L đồng ý.

Bà L xác định không có ý kiến, hay yêu cầu gì trong việc này và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết việc lao động sơ thẩm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G);*

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý việc dân sự, triệu tập họp lệ để yêu cầu đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) cung cấp bản ý kiến, tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng đại diện Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) cho người lao động thì Công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị D sinh năm 1986, căn cước công dân số 036186015226, với mã số bảo hiểm xã hội 9106092252 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 06/2006 đến tháng 11/2006 tại Công ty TNHH G đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, Bảo hiểm xã hội thành phố D còn phát hiện bà Nguyễn Thị D còn có mã số 6605046144 từ tháng 06/2006 đến tháng 07/2006 tại Công ty G1.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị D và Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G), đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị D, bảo hiểm xã hội không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị D, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến, yêu cầu gì khác và đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị D là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G); Địa chỉ: Lô C đường số B, Khu công nghiệp T, phường T thành phố D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Nguyễn Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, Bảo hiểm xã hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục phiên họp.

[2] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị D xét thấy:

[2.1] Việc bà Nguyễn Thị L mượn chứng minh nhân dân, hồ sơ lao động của bà Nguyễn Thị D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) là hành vi gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin:

Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị D sinh năm 1986, căn cước công dân số 036186015226, với mã số bảo hiểm xã hội 9106092252 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 06/2006 đến tháng 11/2006 tại Công ty TNHH G đã nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, Bảo hiểm xã hội thành phố D còn phát hiện bà Nguyễn Thị D còn có mã số 6605046144 từ tháng 06/2006 đến tháng 07/2006 tại Công ty G1.

[2.3] Trình bày của bà Nguyễn Thị D là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự, phù hợp lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Nguyễn Thị D với Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) vô hiệu là có cơ sở chấp nhận. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác

định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung việc dân sự, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị D tự nguyện chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Nguyễn Thị D.

Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa bà Nguyễn Thị D và Công ty Cổ phần C (trước đây là Công ty Cổ phần G) là vô hiệu toàn bộ.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007618 ngày 26/12/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hải Nam